

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH 3
Năm 2016**

Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38205.944 - 38205.947; Fax: 38205.942



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 05
Báo cáo Kiểm toán độc lập	06 – 07
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	08 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2016	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2016	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2016	12 – 55

0305
CỔ
TRÁCH N
DỊCH V
ÀI CHỨ
VÀ KỊ
PHÍ.
1 - T.F

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con sau đây (gọi chung là Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 được thành lập theo Quyết định số 4036/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 2411/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 08 năm 2004 về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam của Bộ Giao thông Vận tải; Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300421520 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 11 tháng 7 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, lắp đặt.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.
- Sản xuất các cấu kiện kim loại.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Sửa chữa thiết bị khác.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.
- Vận tải hành khách đường bộ khác.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động.
- Xây dựng công trình công ích.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

Trụ sở của Công ty tại: 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.

a. Thông tin các chi nhánh: 9 chi nhánh

Trong đó: 08 chi nhánh hạch toán phụ thuộc và 1 chi nhánh hạch toán độc lập.

- 1. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 303**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 2. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 304**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 3. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 302**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 4. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp CK Và Xây Dựng**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 5. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp TV Thiết Kế Và Kiểm Định Công Trình**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

6. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 301

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

7. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 tại tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: Số 315 khối 1, Thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi

8. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 305

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

9. Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3 - Xí nghiệp Cơ khí và Xây dựng Đường sắt

Địa chỉ: Lô đất số, Đường DCD.03, Khu CN Giang Điền, Xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.

b. Thông tin các Công ty con: 2 công ty

1. Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng

Địa chỉ: Lô C7-1, Khu công nghiệp Hàm Kiệm 1, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100 %

2. Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Nam Tiến

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55,56 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55,56 %

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Phạm Văn Thúy	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Côi	Thành viên
Ông Trần Quốc Đoàn	Thành viên
Ông Lê Văn Nhung	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên
Bà Nguyễn Kim Chinh	Thành viên
Ông Đào Quốc Cường	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Trần Quốc Đoàn	Tổng giám đốc
Ông Phạm Trường Sơn	Phó tổng giám đốc
Ông Trần Việt Dũng	Phó tổng giám đốc
Ông Trần Anh Thuận	Phó tổng giám đốc
Ông Đặng Quang Thịnh	Phó tổng giám đốc
Ông Lê Văn Nhung	Phó tổng giám đốc
Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó tổng giám đốc
Bà Nguyễn Kim Chinh	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Vũ Bình Thiên	Trưởng ban
--------------------------	------------



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

Ông **Trần Minh Hùng**
Ông **Nguyễn Đức Thuận**

Thành viên
Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Tập đoàn.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP.HCM, ngày... 29 tháng 03 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Trần Quốc Đoàn

Số: 285/BCKT/TC/2017/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*(Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3)*

Kính gửi: - **Cô đồng, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
- **Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3.**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của **Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn)**, được lập ngày 29/03/2017, từ trang 08 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)

Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Số Giấy Chứng nhận ĐKHN KT: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

Chu Thế Bình

Số Giấy Chứng nhận ĐKHN KT: 1858-2013-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		288.331.932.608	616.716.587.377
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	20.337.819.988	72.627.368.036
1. Tiền	111		20.337.819.988	67.627.368.036
2. Các khoản tương đương tiền	112			5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2	650.000.000	2.800.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		650.000.000	2.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		202.105.368.380	310.891.530.208
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3a	117.577.367.787	226.593.779.519
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.4a	8.823.095.984	16.428.986.724
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.5a	76.519.287.508	69.540.507.127
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	VI.6	(814.382.899)	(1.671.743.162)
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	57.906.713.308	220.745.989.586
1. Hàng tồn kho	141		57.906.713.308	220.745.989.586
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.332.030.932	9.651.699.547
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.10a	4.250.000	432.983.779
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	VI.11	6.442.017.662	8.883.082.258
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VI.15	885.763.270	335.633.510
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		56.201.786.595	75.218.573.652
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		6.714.092.110	6.754.092.110
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VI.3b	5.288.302.780	5.288.302.780
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	VI.4b	1.384.212.791	1.384.212.791
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.5b	41.576.539	81.576.539
II. Tài sản cố định	220		10.625.203.600	34.626.719.812
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	10.625.203.600	34.626.719.812
- Nguyên giá	222		54.020.473.030	126.200.927.218
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(43.395.269.430)	(91.574.207.406)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		22.194.683.485	1.096.719.928
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.8	22.194.683.485	1.096.719.928
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16.667.807.400	32.741.041.802
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.10b	16.667.807.400	32.139.575.383
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.20		601.466.419
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		344.533.719.203	691.935.161.029

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		215.713.359.191	543.805.004.403
I. Nợ ngắn hạn	310		195.715.342.230	524.505.393.460
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.13a	20.990.716.572	125.269.900.308
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.14	15.699.490.539	52.707.045.674
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.15	1.761.800.051	3.869.463.158
4. Phải trả người lao động	314	VI.16	7.173.299.400	11.896.527.554
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.17a	15.002.936.238	40.056.078.553
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	VI.18b	8.991.456.357	9.108.446.357
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.18a	18.226.409.946	40.688.312.890
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.12a	103.314.834.434	237.766.573.605
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.19	3.500.000.000	2.000.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Ban điều hành	322	VI.21	1.054.398.693	1.143.045.361
II. Nợ dài hạn	330		19.998.016.961	19.299.610.943
1. Phải trả người bán dài hạn	331	VI.13b	3.979.897.592	4.634.889.183
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	VI.17a	15.118.450.071	7.334.325.077
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			1.623.951.638
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.18c	398.132.898	1.425.182.548
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.12b	501.536.400	4.271.134.400
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.20		10.128.097
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		128.820.360.012	148.130.156.626
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.22	128.820.360.012	148.130.156.626
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.396.161.000	5.396.161.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.622.907.459	1.622.907.459
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(930.000)	(930.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.119.515.914	30.258.902.224
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.549.663.411	13.547.351.953
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.118.327.694	571.079.632
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		10.431.335.717	12.976.272.321
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.133.042.228	17.305.763.990
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		344.533.719.203	691.935.161.029



Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đoàn Văn Nghị

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Kim Chinh



Chủ tịch HĐQT
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phạm Văn Thúy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VII.1	429.177.384.336	560.584.536.858
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		429.177.384.336	560.584.536.858
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	386.316.320.999	508.688.832.946
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		42.861.063.337	51.895.703.912
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	4.120.104.856	652.012.990
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	11.676.694.502	16.254.843.414
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.676.694.502	16.254.843.414
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25			
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.7	18.774.057.227	16.501.955.851
11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+24-(25+26)}	30		16.530.416.464	19.790.917.637
12. Thu nhập khác	31	VII.5	1.327.434.283	752.478.101
13. Chi phí khác	32	VII.6	4.025.859.922	530.316.959
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.698.425.639)	222.161.142
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13.831.990.825	20.013.078.779
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.9	2.859.466.700	4.063.968.871
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VII.10		613.321.970
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		10.972.524.125	15.335.787.938
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		10.431.335.717	12.976.272.321
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		541.188.408	2.359.215.617
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.304	2.121

Người lập biểu

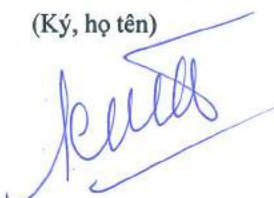
(Ký, họ tên)



Đoàn Văn Nghị

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Nguyễn Kim Chinh

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2017

Chủ tịch HĐQT

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Văn Thủy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.486.594.471	20.013.078.779
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		4.929.064.088	15.162.694.353
- Các khoản dự phòng	03		1.213.351.540	(2.252.507.814)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.416.689.061)	(1.685.387.354)
- Chi phí lãi vay	06		8.149.576.795	17.678.051.414
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(34.900.156.322)	(1.769.998.036)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(11.538.258.489)	47.145.931.342
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		29.106.926.585	(96.668.200.348)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		25.391.038.202	(42.439.528.614)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(17.066.157.306)	70.897.927.386
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		821.728.433	(9.061.196.574)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8.149.576.795)	(17.341.389.419)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.011.434.001)	(5.956.446.635)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		28.836.500	35.452.105
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(857.960.179)	(3.613.471.790)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.725.142.950	(57.000.922.547)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(23.516.902.649)	(8.927.902.276)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		163.636.364	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10.330.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.652.718.668	1.320.075.801
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.370.547.617)	(7.607.826.475)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			23.106.211.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		138.659.157.675	419.985.490.606
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(188.324.957.869)	(347.483.681.513)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.978.343.187)	(10.302.380.855)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(57.644.143.381)	85.305.639.238
Lưu chuyển tiền thuần trọng kỳ (50 = 20+30+40)	50		(52.289.548.048)	20.696.890.216
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		72.627.368.036	51.930.477.820
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	20.337.819.988	72.627.368.036

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đoàn Văn Nghị

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Kim Chinh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 được thành lập theo Quyết định số 4036/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 2411/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 08 năm 2004 về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3 trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam của Bộ Giao thông Vận tải; Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300421520 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 11 tháng 7 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).

Trụ sở của Công ty tại: 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.

Thông tin các chi nhánh: 9 chi nhánh

Trong đó: 08 chi nhánh hạch toán phụ thuộc và 1 chi nhánh hạch toán độc lập.

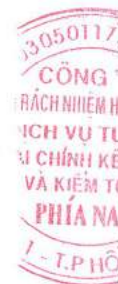
b. Thông tin các chi nhánh: 9 chi nhánh

Trong đó: 08 chi nhánh hạch toán phụ thuộc và 1 chi nhánh hạch toán độc lập.

- 1. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 303**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 2. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 304**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 3. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 302**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 4. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp CK Và Xây Dựng**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 5. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp TV Thiết Kế Và Kiểm Định Công Trình**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 6. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 301**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 7. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 tại tỉnh Quảng Ngãi**
Địa chỉ: Số 315 khối 1, Thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi
- 8. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 305**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- 9. Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3 - Xí nghiệp Cơ khí và Xây dựng Đường sắt**
Địa chỉ: Lô đất số, Đường DCD.03, Khu CN Giang Điền, Xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.

b. Thông tin các Công ty con: 2 công ty

- 1. Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Lô C7-1, Khu công nghiệp Hàm Kiệm 1, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100 %

2. Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Nam Tiên

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55,56 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55,56 %

2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Xây dựng, lắp đặt.

3. **Ngành nghề kinh doanh:**

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.
- Sản xuất các cấu kiện kim loại.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Sửa chữa thiết bị khác.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.
- Vận tải hành khách đường bộ khác.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động.
- Xây dựng công trình công ích.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:** Không

II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. **Niên độ kế toán** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III Cơ sở hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 (Công ty mẹ) và 02 công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối hợp nhất.

IV Chế độ kế toán áp dụng:

1. **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 161/2007/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. **Hình thức sổ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ.

V Các chính sách kế toán áp dụng:

1. **Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển**

1.1 **Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:** Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 **Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:**

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

2. **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:**

2.1 **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3. **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

4.1 Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

4.2 **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

4.3 **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

4.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

5.1 Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi và bổ sung một số điều Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày



25/04/2013 của Bộ Tài chính.

5.2 Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính:

Thuê tài chính được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê tài chính được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

6. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế phát sinh trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thuế thu nhập} \\ \text{hoãn lại phải trả} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chênh lệch tạm} \\ \text{thời chịu thuế} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế thu nhập doanh} \\ \text{nghiệp hiện hành (\%)} \end{array}$$

Trường hợp tại thời điểm ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã biết trước có sự thay đổi về thuế suất thuế TNDN trong tương lai, nếu việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới đã có hiệu lực thì thuế suất áp dụng để ghi nhận thuế hoãn lại phải trả được tính theo thuế suất mới.

Cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả và Chênh lệch tạm thời:

- Cơ sở tính thuế của tài sản là giá trị sẽ được trừ khỏi thu nhập chịu thuế khi thu hồi giá trị ghi sổ của tài sản. Nếu thu nhập không phải chịu thuế thì cơ sở tính thuế của tài sản bằng giá trị ghi sổ của tài sản đó. Cơ sở tính thuế thu nhập của nợ phải trả là giá trị ghi sổ của nó trừ đi (-) giá trị sẽ được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế khi thanh toán nợ phải trả trong các kỳ tương lai. Đối với doanh thu nhận trước, cơ sở tính thuế là giá trị ghi sổ của nó, trừ đi phần giá trị của doanh thu không phải chịu thuế trong tương lai.

- Chênh lệch tạm thời là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả trong Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó. Chênh lệch tạm thời gồm 2 loại: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ và chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chênh lệch tạm thời chịu thuế là các khoản chênh lệch tạm thời làm phát sinh khoản thuế thu nhập phải trả khi xác định thu nhập chịu thuế trong tương lai khi giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán.

+ Chênh lệch tạm thời về thời gian chỉ là một trong các trường hợp chênh lệch tạm thời, ví dụ: Nếu lợi nhuận kế toán được ghi nhận trong kỳ này nhưng thu nhập chịu thuế được tính trong kỳ khác.

+ Các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả so với cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó có thể không phải là chênh lệch tạm thời về mặt thời gian, ví dụ: Khi đánh giá lại một tài sản thì giá trị ghi sổ của tài sản thay đổi nhưng nếu cơ sở tính thuế không thay đổi thì phát sinh chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên thời gian thu hồi giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế không thay đổi nên chênh lệch tạm thời này không phải là chênh lệch tạm thời về thời gian.

+ Kế toán không tiếp tục sử dụng khái niệm “Chênh lệch vĩnh viễn” để phân biệt với chênh lệch tạm thời khi xác định thuế thu nhập hoãn lại do thời gian thu hồi tài sản hoặc thanh toán nợ phải trả cũng như thời gian để khấu trừ tài sản và nợ phải trả đó vào thu nhập chịu thuế là hữu hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ khi thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán phải xác định các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế phát sinh trong năm hiện tại làm căn cứ xác định số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trong năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

Việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm được thực hiện theo nguyên tắc bù trừ giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm nay với số thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã ghi nhận từ các năm trước nhưng năm nay được ghi giảm (hoàn nhập), theo nguyên tắc:

- Nếu số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm, kế toán chỉ ghi nhận bổ sung số thuế thu nhập hoãn lại phải trả là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh lớn hơn số được hoàn nhập trong năm;

- Nếu số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm, kế toán chỉ ghi giảm (hoàn nhập) số thuế thu nhập hoãn lại phải trả là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh nhỏ hơn số được hoàn nhập trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm không liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu phải được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm.

Kế toán phải ghi giảm thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế không còn ảnh hưởng tới lợi nhuận tính thuế (khi tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán).

Việc bù trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ thực hiện khi lập Bảng cân đối kế toán, không thực hiện khi ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trên sổ kế toán.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính:

Các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp. Không phản ánh các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, phải theo dõi chi tiết nguyên tệ và thực hiện theo nguyên tắc:

- Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

10.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

10.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: Không phát sinh.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

12.1 Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông, chủ sở hữu.

12.2 Thặng dư vốn cổ phần:

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12.3 Vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

12.4 Cổ phiếu quỹ:

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

13.1 Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

13.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. **Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:** Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyên nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Không hạch toán vào chi phí tài chính những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí khác.

15. **Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:**

a. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng:

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

Chi phí bán hàng được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

b. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:**

16.1 Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16.2 Thuế TNDN hoãn lại:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

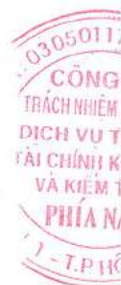
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế;

17. Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

*** Tiền mặt (VND)**

Số cuối năm	Số đầu năm
8.068.078.850	23.268.516.016

*** Tiền gửi ngân hàng**

12.269.741.138	44.358.852.020
----------------	----------------

- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam

12.231.161.804	44.190.016.695
----------------	----------------

- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

23.472.142	152.173.778
------------	-------------

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi Nhánh Chợ Lớn

2.032.942	2.032.942
-----------	-----------

- Ngân hàng TMCP Quân đội - Nam SG

	1.620.632
--	-----------

- Ngân hàng Phát triển VN - CN Bình Thuận

13.074.250	13.007.973
------------	------------

*** Các khoản tương đương tiền**

	5.000.000.000
--	---------------

- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam (TGTK kỳ hạn 01 tháng)

	600.000.000
--	-------------

- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam (TGTK kỳ hạn 03 tháng)

	4.400.000.000
--	---------------

Cộng

20.337.819.988	72.627.368.036
----------------	----------------



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH				
* Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	650.000.000		650.000.000	
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát triển VN - CN.TPHCM (TGTK 12 tháng)	650.000.000		650.000.000	
Cộng	650.000.000		650.000.000	
				2.800.000.000

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

- a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng
- Cầu Maspero - Sóc Trăng
- Xi nghiệp Vật Tư Thiết Bị và XD 767 (BTNN)
- Công ty CT GTCC - Đ. Quang Trung (BTNN)
- Công ty Bauxit Lâm Đồng - TKV (BTNN)
- Công ty TNHH Hải Trường
- Hệ thống thoát nước + Công qua ĐS Biên Hòa
- Đường ngang tại Km 1695 + 085 (gói thầu số 4)
- Nhà tạm giữ công an Quận Ô Môn
- Gói số 17: Cầu Phó Sinh 2
- Gói số 10: Cầu Đường Thét
- Gói số 6A C. Kênh Thủy (QL91B) - Cần Thơ
- Cầu đường ĐT843 - Cầu Đường Gạo, Phú Hiệp
- Cầu Vàm Đĩnh - Tầm Bang
- Cầu Hồng Ngự
- Gói thầu 1: XD trụ chống va, cầu Cái Đồi
- Gói thầu 11A - XD cầu km 18+366 & 21
- Công thoát nước đường DT 829
- CD mới các cầu đường liên ấp 1,2 Bình Lợi

	Số cuối năm	Số đầu năm
	117.577.367.787	226.593.779.519
	6.281.200	6.281.200
	146.527.540	146.527.540
	106.447.895	106.447.895
	178.735.190	286.648.460
	105.563.311	178.735.190
	110.058.000	105.563.311
	167.050.093	110.058.000
	32.383.000	167.050.093
	1.168.905.000	1.855.640.000
	236.673.333	1.127.966.000
	94.698.000	236.673.333
	17.212.000	94.698.000
	39.410.522	17.212.000
	27.978.000	11.361.343.000
	997.000	1.789.832.000
	164.375.000	625.188.000
		997.000
		164.375.000



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

- GT số 3: khu tường niêm dài LS tết Mậu Thân	700.602.000	700.602.000
- Gói 5: Thăm nhựa Cầu Bến long, Xáng		72.000.000
- Gói 6B: Thăm nhựa đoạn km 47-57 QLK-PH		299.420.000
- Gói 6B: SC đường Cầu Từ Tảo + Bảy Quang	9.858.000	9.858.000
- Gói 20: Đường công vụ tỉnh lộ 21	9.000	351.009.000
- Gói 1 thâu B2-26: Cầu Rọ tương - Khánh Hòa	5.259.795.834	10.477.513.704
- Cầu Sa đéc	10.484.913.000	
- Gói 9: Đà lại	1.285.480.184	
- Gói 1: nâng cấp MR bên phà Cát Lái	4.244.626.000	
- CTGT & HTTN khu dân cư TĐC Long Hậu	570.306.731	570.306.731
- GT22: Thăm BTN QL 50 (km 47-71; 74-80)		440.000.000
- Cầu thép vòng xoay Hàng xanh	233.388.000	233.388.000
- Lềm nền hạ tại khu Depot	4.717.298.114	3.388.603.646
- Hệ thống thoát nước tại khu Depot	1.041.138.715	4.716.964.324
- Công việc XL tại khu Depot	740.199.309	838.042.109
- T/c kết cấu cầu * hầm khám train	1.452.324.410	
- SCL cầu 1087-TCT ĐS VN		3.325.670.000
- Gói số 11: CT ĐS Biều Nghi - Hạ Long	13.748.614.408	4.614.327.000
- Gói số 2 QL 28: Km 16-18	41.372.000	441.202.328
- Gói số 1 QL 28 : Km 14-16	108.444.000	1.231.604.793
- Gói thầu B2-5 cầu Đăk pry		596.257.171
- Mở rộng ĐN Km 1710 + 862 - Dĩ An	520.486.000	1.651.389.000
- Gói 8/KV3: 11 cầu Tuyến ĐS : HN-TP. HCM	8.565.757.500	13.565.757.500
- XD tuyến tránh phía Hòa Nghĩa cầu Chợ Lách	5.142.175.298	8.310.842.343
- XD mới cầu đường bộ Đồng Nai	29.749.039.000	41.576.501.000
- XD 03 hầm chui và 8 ĐN GD 2 KH 1856	7.423.954.000	7.464.708.000
- GT số 10: XD 01 hầm, 33.31 km hàng rào ATDS	81.007.760	273.293.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

- Công Trình: Di dời ga Gò Vấp	1.792.902.500	7.892.902.500
- Công Trình: 05 Cầu treo Tây nguyên	11.368.013.131	3.164.737.123
- TC bù lún 2 đầu khu CN Long Hậu		29.125.518
- CC VT và TC đường nội bộ DA Vũng Me - NT	134.679.499	134.679.499
- HT thoát nước mưa ngoài trời DA KS Vinperm - NT	18.793.117	18.793.117
- CT TTTM Vincom An Giang	1.333.217.284	25.023.307.470
- CT tc BTCT Vincom An Giang	25.485.903	
- CC D/vụ đo đặc nhiệt độ ray HD 006	162.447.450	494.420.087
- CC D/vụ đo đặc nhiệt độ ray HD ADD	41.638.080	
- Cầu Gành	153.105.000	
- Cầu Dành	3.422.042.000	
- TC DS Cầu Hitachi ST1, ST2 - Cửa ông	5.674.880	7.040.000.000
- Khác	950.000	36.005
- Gói thầu số 9		13.303.067.000
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng Huyền Minh		11.665.422.595
- Ban quản lý các dự án Đường Thùy		7.592.914.122
- Các công trình gói CP2 - Yên Bái		5.504.550.210
- Công ty CP Vật tư Thiết Bị & XD Công Trình 624		4.288.483.922
- Ban Quản lý dự án Đường Sắt Khu Vực 2		2.374.387.000
- Công trình Xây dựng Cảng Sóc Trăng		2.108.149.000
- Công trình Cầu Thống Linh, Cống Đập Đá		1.892.595.000
- Công ty TNHH Hoàng Lộc		1.310.000.000
- CN Công ty TNHH MTV DV Công ích TNXP- TT ĐT và XD TNXP		1.022.630.400
- Công ty CP Công Trình Thành Phát		1.013.022.525
- Công ty Cổ phần XD và TM Vạn Phúc		834.380.030
- CN Công ty CP MCo Việt Nam (TP. Hà Nội)		555.580.000
- Công trình Cầu công số 2		388.292.437



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

- Công ty TNHH Tư Vấn XD Trần Gia	205.445.000	
- Ban Quản Lý Dự án Huyện Châu Thành	173.091.000	
- Ủy Ban Nhân Dân Xã An Khánh	138.431.000	
- Công ty Cổ Phần VLXD Thế Giới Nhà	439.200.000	
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Phú Lâm	47.740.000	
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng Dạng Đông	28.550.000	
- Xí Nghiệp 301 - Công ty Cổ Phần ĐT & XD CT 3	8.679.000	
- Xí Nghiệp 304 - Công ty Cổ Phần ĐT & XD CT 3	1.000.000	
- Liên Danh Namkwang - Sampo	3.169.094.025	
- Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Suối Hoa	240.100.000	
- Công ty Cổ phần XDCT và Thương Mại 124	195.076.000	
- CN Công ty Cổ phần Vật Tư & XDCT Tại Cần Thơ	13.765.263	
- Công ty TNHH DV-TM-SX Xây Dựng Đông Mê Kông	23.818.333	
- Công ty Thái Bình Dương - CN Long An	81.675.000	
- Công ty CP Công Trình Thành Phát	80.000.000	
- Công ty TNHH XDCT & TM Hoàng Anh	5.288.302.780	
b. Phải thu dài hạn của khách hàng	5.288.302.780	5.288.302.780
- Dự án Nam Sông Hậu (Cầu Mái Dầm + Cầu Ngọn Ngang)	420.458.546	420.458.546
- Km 1651-1653 (Ray, lập lách GTGC)	477.495.000	477.495.000
- Thay ray Km1711-1721 (Ray GTGC)	142.274.000	142.274.000
- Gói thầu WB4 - 15	3.348.421.194	3.348.421.194
- Gói thầu WB4 - 12 (Công ty 6)	576.328.987	576.328.987
- Cầu Thầy Thuốc	323.325.053	323.325.053
Cộng	122.865.670.567	122.865.670.567



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

	Số cuối năm	Số đầu năm
4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	8.823.095.984	16.428.986.724
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	62.998.497	62.998.497
- Công ty TNHH MTV SX TM DV XD Minh Thành	49.273.454	134.917.200
- Công ty TNHH XD và cho thuê Thiết Bị Kiều Minh Tâm	190.000.000	210.000.000
- Công ty CP ĐT XD Tam Bình		59.240.000
- Cửa hàng điện máy Sáu hàng		83.970.000
- Công ty TNHH Trường Thăng	97.140.393	97.140.393
- Công ty CP ĐT XD số 10		66.000.000
- Công ty TNHH MTV Ngân nguyên		148.595.850
- Doanh nghiệp tư nhân Linh Trung	404.745.986	404.745.986
- Lữ Văn Nguyên	765.171.758	
- Công ty TNHH SX - TM - DV Trường Tâm	68.181.650	
- Công ty TNHH kinh doanh thương mại Đại Thành	619.635.390	
- Công ty CP Đầu tư phát triển xây dựng Việt Nam	150.000.000	
- Công ty TNHH tư vấn xây dựng Điện Thành Thái	56.926.355	
- Công ty TNHH thương mại kỹ thuật Sài Gòn Hoàng Tín	227.700.000	
- Công ty TNHH TSI Việt Nam		491.453.000
- Công ty TNHH Đại Đồng		192.200.062
- Công ty TNHH thép Tân Thăng Lợi		187.924.170
- Công ty TNHH XD Gt Việt Phương		10.230.000
- Công ty TNHH MTV ĐT & XD CT Nam Việt		
- Công ty TNHH VLXD Nguyễn Nhung	226.770.000	
- Công ty TNHH XD XL MT Tân Đại Dương	419.474.550	
- Công ty TNHH XDGt Việt Phương	80.000.000	
- Công ty TNHH Phúc An		205.000.000
- Công ty TNHH XD TM Lê Thọ		60.000.000
- Công ty CP ĐT & PT Cường Thuận indico	61.039.550	



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

- Công ty CP XD & TM Đất Việt	236.677.931	49.659.000
- Công ty CP PTTM Bình Minh		
- DNTN Nguyễn Hồng Lai	93.791.870	89.532.330
- Công ty CP Đại Lâm	89.532.330	50.000.000
- Công ty CP PT Thương Mại Bình Minh	98.126.220	34.000.000
- CH máy và thiết bị XD Phú Thái		70.000.000
- Công ty TNHH SX và TM Cường Phát		53.960.500
- Công ty CP XD Quảng Ninh		
- Công ty TNHH Hữu San	843.515.597	
- Công ty CP VLXD Thế giới Nhà	159.750.000	
- CH VLXD Quang Linh	188.415.465	
- Công ty CP ĐT TB CN Sài Gòn		115.813.225
- Công ty CP QL - XD đường bộ Khánh Hòa		194.000.000
- Công ty TNHH XD KT CB PUHA		187.397.000
- Công ty CP Xây dựng Nguyễn Vũ Lê		
- Chi nhánh DNTN Phong truyền	424.000.000	
- Công ty TNHH MTV tổng cty 28	50.000.000	
- DNTN Thanh Tùng	100.000.000	
- Công ty cổ phần Bê tông 6	365.982.400	
- Công ty cổ phần xây dựng Tacons	270.000.000	
- Công ty cổ phần thương mại Lâm Đồng	324.000.000	
- Công ty cổ phần CK XD TM Sông Thần	50.000.000	
- Công ty CP bê tông 620 Châu Thới	110.970.750	
- Công ty TNHH DV TV TC và Kiểm Toán Phía Nam		3.070.800.000
- CN Công ty CP CT 6		46.750.000
- Công ty TNHH Thanh Bình	515.713.412	515.713.412
- Công ty TNHH LMS Technologies Viet Nam	67.886.000	100.000.000
	129.250.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

- Công ty TNHH Xây Dựng Minh Chính	898.659.000
- Công ty CP XD Công Trình Giao Thông Đồng Tháp	468.864.000
- Công ty Cổ Phần Thái Cường	443.593.600
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Vĩnh Phát	300.000.000
- Công ty TNHH Vĩnh Hưng Thịnh	300.000.000
- DNTN VLXD Thủy Vân	194.994.000
- Nguyễn Thanh Liêm	150.000.000
- Công ty TNHH Cơ khí và Xây Dựng Thái Hoàng	150.000.000
- Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Trường Sơn	150.000.000
- Công ty TNHH Cao Su Phú Việt	143.996.400
- Công ty TNHH Xây Dựng 68 Hoàng An	122.000.000
- Nguyễn Hùng Sơn	110.000.000
- Công ty TNHH XD TM Nam Hải	100.000.000
- Công ty TNHH CTGT Tây Nam Á	87.949.200
- Công ty CP Đầu Tư và XDTH Miền Trung	75.000.000
- Công ty CP Cơ Khí Tinh Sóc Trăng	2.500.000
- Công ty Điện lực Sóc Trăng	1.149.062
- Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xây Dựng 121 - CIENCO1	514.626.750
- Công ty TNHH MTV Quản Lý Đường Sắt Yên Lào	144.821.715
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn NaNo	160.000.000
- Công ty TNHH MTV Xây Dựng Trung Anh	113.616.888
- Công ty Cổ Phần Bê Tông Hòa Cầm - Intimex	1.540.000
- Công ty Cổ Phần Bê Tông Sông Hồng	61.000.000
- Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Vân Tài Thành Công	57.000.000
- DNTN Long Phát	54.810.031
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Xây Dựng Bá Thịnh	50.011.610
- Công ty TNHH Phước Thiên An	56.549.576



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

- Công ty TNHH MTV TM DV XD Môi Trường Xanh	19.045.360
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Mai Linh	5.232.000
- Công ty TNHH TM Vận Tải Xuân Báo	6.840.000
- H.T.X Dịch Vụ Tổng Hợp Hương Giang	2.535.686
- Công ty Cổ Phần Đá Mỹ Trang	5.358.000
- Công ty TNHH Hòa Bình	949.252
- Công ty Xăng Dầu Yên Bái	131.261
- Công ty TNHH Việt Hải Long	984.245.994
- Bùi Minh Quang	250.000.000
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Xây Dựng Đại Tín Đức Hoà	206.800.000
- Công ty CP Đầu Tư Thương Mại và Xây Dựng 18A	159.500.000
- Lê Quang Trán	114.605.300
- Huỳnh Văn Nhân	74.000.000
- Công ty TNHH Châu Phương Ngọc	68.909.940
- DNTN Giang San	67.075.906
- Nguyễn Thị Nữ	64.700.000
- Công ty Cổ Phần Thương Mại Tư Vấn Và Xây Dựng Vĩnh Hưng	41.200.000
- Công ty CP Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	40.550.000
- Đinh Văn Chăm	35.900.000
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Hòa Như	35.200.000
- Công ty TNHH Thương Mại Thép Hoàng Kim	33.788.000
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Võ Đức Anh	29.908.000
- Lê Trọng Đồng	26.650.000
- Công ty TNHH MTV Xây Dựng Thương Mại Sản Xuất Minh Nguyễn	20.000.000
- Công ty TNHH I S Sài Gòn	17.982.096
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Xuân Thắng	15.125.400
- Công ty Xăng Dầu Sông Bé - TNHH MTV	13.896.800



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

- Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Lâm Đồng	11.742.492	
- Điện Lực An Nhơn - Công ty Điện Lực Bình Định	7.300.000	
- Công ty CP Dịch Vụ Đô Thị Đà Lạt	7.000.000	
- Huỳnh Tâm	6.580.000	
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Bông Sen - Khách Sạn PALACE Sài Gòn	6.019.125	
- Điện Lực Bảo Lâm	5.184.042	
- Điện Lực Đà Lạt	5.000.000	
- Công ty Cổ Phần TS24	3.408.900	
- Công ty TNHH Một Thành Viên Trường Hải	2.900.000	
- Công ty TNHH MTV Xăng Dầu Quảng Ngãi	2.826.850	
- Công ty TNHH Xăng Dầu Lâm Đồng	2.181.650	
- Công ty Cổ Phần Tân Thành Đô City Ford	1.903.700	
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng Lĩnh Nam	50.000.000	
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng & Thương Mại Quốc Tế	1.544.000	
- Ngô Huy Nam	10.000.000	
- Công ty TNHH MTV Xây Dựng Hồng Thái Gò Công	100.000.000	
- Công ty Cổ Phần PTHIT & BĐS Thái Bình Dương - CN Long An	394.000.000	
- Công ty TNHH MTV ATGT Ngọc Quyền	7.718.000	
- Công ty Cổ Phần Diệu Cường	500.480.000	
- Công ty TNHH Dịch Vụ An Toàn Đường Thủy số 1	20.000.000	
- Công ty TNHH Xây dựng Công trình Long An		
- Công ty TNHH MTV điện lực Đồng Nai - điện lực Nhơn Trạch	8.115.228	
- Công ty TNHH Thương Mại thép Bình Nguyên	8.005.600	
- Nhà máy bê tông Nhơn Trạch - Công ty TNHH Xây Dựng Lê Phan	11.820.000	
- Công ty TNHH TMDV Thiết bị Y tế & máy VP	6.000.000	
- Phạm Kim Mai	48.000.000	
- Các nhà cung cấp khác	650.402.426	1.377.605.685



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

b. Trả trước cho người bán dài hạn	1.384.212.791	1.384.212.791
- Công ty CP Bé tông 620 Long An	64.262.760	64.262.760
- Công ty TNHH XD Bảo Nam Long	77.592.000	77.592.000
- Công ty TNHH Máy và Thiết bị Thiên Vũ Ngô	52.400.000	52.400.000
- Công ty TNHH Tuấn Cường	98.830.000	98.830.000
- Công ty TNHH Tiến Cường	240.494.861	240.494.861
- Công ty TNHH XD TM TH Thịnh Hưng	220.000.000	220.000.000
- Công ty TNHH MTV VTHH Đường sắt	85.151.700	85.151.700
- Công ty TNHH MTV QLĐS Phú Khánh	32.124.000	32.124.000
- Công ty Lâm Giang	83.987.500	83.987.500
- Công ty TNHH TV-XD Tiến Phát	265.400.000	265.400.000
- Công ty CP PT & KD nhà Ninh Thuận	47.469.970	47.469.970
- CN Công ty CP XNK VT TB ĐS Lào cai	56.500.000	56.500.000
- Điện lực Dĩ An	60.000.000	60.000.000
Cộng	10.207.308.775	17.813.199.515

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Phải thu ngắn hạn khác				
- Phải thu khác	76.519.287.508	-	69.540.507.127	-
- Các khoản tạm ứng	50.137.414.217		25.874.311.938	
- Ký quỹ ngắn hạn	26.381.873.291		43.561.195.189	
			105.000.000	
b. Phải thu dài hạn khác				
- Ký quỹ dài hạn	41.576.539	-	81.576.539	-
	41.576.539		81.576.539	
Cộng	76.560.864.047		69.622.083.666	

6. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
* Phải thu khách hàng				
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Trên 5 năm	814.382.899	Trên 5 năm	1.125.523.545
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Trên 3 năm		Trên 3 năm	546.219.617
Cộng		814.382.899		1.671.743.162



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
* Giá gốc hàng tồn kho	57.906.713.308	-	220.745.989.586	-
- Nguyên liệu, vật liệu	11.067.364.416		27.517.716.237	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	46.839.348.892		193.111.598.636	
- Hàng hóa			116.674.713	
Cộng	57.906.713.308		220.745.989.586	

8. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

* Xây dựng cơ bản dở dang	22.194.683.485	1.096.719.928
- Chi phí lắp đặt trạm điện	340.363.888	340.363.888
- Chi phí thực hiện dự án NM Bình Thuận	864.356.040	756.356.040
- Chi phí thực hiện dự án khu CN Giang Điền	20.989.963.557	
Cộng	22.194.683.485	1.096.719.928



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11.485.530.051	94.873.707.282	19.114.217.170	727.472.715	126.200.927.218
- Mua trong năm		2.056.436.363			2.056.436.363
- Cài tạo sửa chữa					
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán		127.272.727			127.272.727
- Giảm khác (Do thoái vốn 0)	3.149.994.064	56.173.744.399	14.285.885.063	499.994.298	74.109.617.824
Số dư cuối năm	8.335.535.987	40.629.126.519	4.828.332.107	227.478.417	54.020.473.030
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.390.741.332	71.376.363.531	15.244.408.173	562.694.370	91.574.207.406
- Khấu hao trong năm	910.488.195	3.887.380.201	127.398.745	3.796.947	4.929.064.088
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác (Do thoái vốn 0)	887.493.570	41.337.094.704	10.543.474.811	339.938.979	53.108.002.064
Số dư cuối năm	4.413.735.957	33.926.649.028	4.828.332.107	226.552.338	43.395.269.430
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	7.094.788.719	23.497.343.751	3.869.808.997	164.778.345	34.626.719.812
2. Tại ngày cuối năm	3.921.800.030	6.702.477.491		926.079	10.625.203.600

- GTCL cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.604.228.807 đồng

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.332.042.296 đồng

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a- Chi phí trả trước ngắn hạn

b- Chi phí trả trước dài hạn

Cộng

Số cuối năm

Số đầu năm

4.250.000

432.983.779

16.667.807.400

32.139.575.383

16.672.057.400

32.572.559.162

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

* Tài sản ngắn hạn khác

- Thuế GTGT được khấu trừ

Cộng

Số cuối năm

Số đầu năm

6.442.017.662

8.883.082.258

6.442.017.662

8.883.082.258

6.442.017.662

8.883.082.258

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
12. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH						
a- Vay ngắn hạn	103.314.834.434	103.314.834.434	137.959.157.675	272.410.896.846	237.766.573.605	237.766.573.605
* Vay ngắn hạn ngân hàng	103.026.834.434	103.026.834.434	137.521.157.675	185.188.853.869	150.694.530.628	150.694.530.628
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN TP. Hồ Chí Minh	100.126.834.434	100.126.834.434	134.621.157.675	183.188.853.869	148.694.530.628	148.694.530.628
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2.900.000.000	2.900.000.000	2.900.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
* Vay cá nhân	288.000.000	288.000.000	438.000.000	2.476.104.000	2.326.104.000	2.326.104.000
Điều chỉnh do hợp nhất				84.745.938.977	84.745.938.977	84.745.938.977
b- Vay dài hạn	501.536.400	501.536.400	700.000.000	4.469.598.000	4.271.134.400	4.271.134.400
* Vay dài hạn ngân hàng	201.536.400	201.536.400		260.000.000	461.536.400	461.536.400
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN TP. Hồ Chí Minh	201.536.400	201.536.400		260.000.000	461.536.400	461.536.400
* Vay dài hạn cá nhân	300.000.000	300.000.000	700.000.000	400.000.000	3.809.598.000	3.809.598.000
Điều chỉnh do hợp nhất				3.809.598.000	3.809.598.000	3.809.598.000
Cộng	103.816.370.834	103.816.370.834	138.659.157.675	276.880.494.846	242.037.708.005	242.037.708.005



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	20.990.716.572	20.990.716.572	125.269.900.308	125.269.900.308
<i>a. Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
- Công ty TNHH MTV VT&SC ô tô Minh Tam	63.096.000	63.096.000		2.571.544.143
- Công ty TNHH XD Hương hoa Mai	100.000.000	100.000.000		137.117.350
- Công ty TNHH Phùng thịnh	2.629.256.219	2.629.256.219	2.571.544.143	211.426.000
- Công ty TNHH TB & PT Hiếu Hưng	137.117.350	137.117.350		126.655.423
- Công ty TNHH XD TMDV Đa Phát				203.906.562
- Công ty TNHH kỹ thuật Đồng Thuận Phát	26.655.423	26.655.423		119.595.860
- Công ty TNHHTM kỹ thuật SG Thuận Tín	84.557.560	84.557.560		182.376.968
- Công ty TNHH TM XD Phú An Nhân	116.000.089	116.000.089		70.489.320
- Công ty TNHH Đạt Nam Long				
- CN Công ty CP Thành Tân An	677.268.080	677.268.080		427.076.165
- Công ty TNHH XD GT Việt Phương	6.473.198	6.473.198		82.500.000
- Công ty TNHH TM VLXD An Khang	40.000.000	40.000.000		
- Công ty TNHH MTV DV TM Cương Tuyên	105.979.063	105.979.063		97.120.474
- Công ty TNHH đường sắt SG				72.800.000
- Công ty CP ĐT Xây Dựng TM DV Khai Hưng	42.800.000	42.800.000		210.000.000
- Công ty TNHH XD Kim Thanh				198.432.980
- Công ty TNHH XD TM Thành Hưng	402.614.366	402.614.366		69.993.000
- Công ty CP Vũ Đức				
- Công ty TNHH KD Minh Đức	163.590.000	163.590.000		303.656.524
- Công ty TNHH MTV Trí Nhân Phát				
- Công ty CP XD & TM Đất Việt	798.874.900	798.874.900		176.839.900
- Công ty chế biến lâm sản và PT nông nghiệp				
- Công ty TNHH Tân Á	21.791.600	21.791.600		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp. HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

- Công ty TNHH Hữu San				439.132.678	439.132.678
- Công ty TNHH Sơn Thế hệ Mới	881.975.000	881.975.000		495.425.150	495.425.150
- Công ty TNHH SX & TM Tân Gia Định	82.311.600	82.311.600		58.947.600	58.947.600
- Công ty TNHH MTV Anh Vạn Phát	118.339.800	118.339.800		220.779.940	220.779.940
- Công ty CP XD Lĩnh Nam	591.570.219	591.570.219		263.719.019	263.719.019
- Công ty TNHH MTV Đại Tân Thắng				422.217.245	422.217.245
- Công ty TNHH TM DV Thuận Minh	309.109.800	309.109.800		79.500.000	79.500.000
- Công ty Thiết bị Phụ Tùng Hiếu Hưng				426.277.000	426.277.000
- Công ty TNHH Uni Eastem Việt Nam	298.650.000	298.650.000		110.712.600	110.712.600
- Công ty TNHH CN KT Việt Nam				100.485.000	100.485.000
- XN Tư Vấn XDCT giao thông 5.1				147.556.000	147.556.000
- Công ty TNHH KT CN An Thịnh Phát	99.380.000	99.380.000		99.380.000	99.380.000
- DN TM & XD Nhật Tảo				163.975.000	163.975.000
- Công ty TNHH IS Sài Gòn	366.945.478	366.945.478		366.945.478	366.945.478
- Công ty TNHH MTV XD & TM Thuận Hoàn				84.000.000	84.000.000
- CN Công ty CP Kim Khí Miền trung tại Đắk Lắk				97.812.061	97.812.061
- Công ty TNHH SX CK TM Dịch vụ Nam Kim	193.427.599	193.427.599			
- Công ty CP vận tải Sao Biển	49.500.000	49.500.000			
- Công ty cổ phần vật tư Tiến Lâm	335.931.083	335.931.083			
- Công ty TNHH XD KT CB PUHA	167.007.845	167.007.845			
- Công ty TNHH KĐV TM Thanh Bình	100.004.310	100.004.310			
- Công ty TNHH DV VT Hùng Minh Phát	89.760.000	89.760.000			
- Công ty CP bê tông Hồng hà	298.440.000	298.440.000			
- CN Công ty CP LQ Jonton Hà Nội	416.896.464	416.896.464			
- Công ty TNHH TM DV XD Mai Quốc Anh	313.008.150	313.008.150			
- Công ty TNHH TM DV XD Thiện Phong	88.000.000	88.000.000			
- Công ty TNHH Tachsafe Vietj Nam	153.972.500	153.972.500			
- DNTN DV VTHH Nhật Hà	68.250.000	68.250.000			



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

- Công ty Chế biến Lâm sản và PT nông nghiệp	389.555.104	389.555.104	221.422.000	221.422.000
- Công ty TNHH TB & PT Hiếu Hưng			22.017.920	22.017.920
- Công ty TNHH KD XNK Minh Đức	279.029.575	279.029.575		
- Công ty CP XD CT hàng không 647			251.756.008	251.756.008
- Công ty TNHH Kỹ thuật Nền Móng & XD Hồng Đức	251.756.008	251.756.008	676.765.450	676.765.450
- Công ty CP ĐT Công trình Hà Nội			1.425.213.020	1.425.213.020
- Công ty CP Bê Tông Ly Tâm Thủ Đức - Long An			582.780.195	582.780.195
- Công ty CP Cơ Khí cầu đường Hà Ninh			1.272.000.000	1.272.000.000
- Công ty TNHH MTV Kiều Phong ĐT			407.848.595	407.848.595
- Công ty TNHH Sóng Hồng			850.678.602	850.678.602
- Công ty TNHH thép IPC Sài Gòn	5.595.475	5.595.475	130.680.000	130.680.000
- Công ty CP thiết bị vật tư TN Việt Nam			749.909.679	749.909.679
- Công ty CP DV ĐT XD & TM Tân Thới Lợi	749.909.679	749.909.679	180.820.000	180.820.000
- Công ty CP Khoáng Sản & VLXD Lâm Đồng			415.800.000	415.800.000
- Công ty CP Thương Mại và Vận Tải Đức Minh	162.350.200	162.350.200	350.000.000	350.000.000
- Công ty CP ĐT Thương Mại và Xây Dựng 18A	350.000.000	350.000.000	71.366.751	71.366.751
- Công ty Quản lý ĐS Sài Gòn	71.366.751	71.366.751	91.987.500	91.987.500
- DN TN Minh Loan			65.500.000	65.500.000
- Trung tâm ứng dụng KHCN GTVT	65.500.000	65.500.000	135.930.574	135.930.574
- Công ty TNHH ĐT TM XD CT MHT	135.930.574	135.930.574	71.478.000	71.478.000
- CN Tổng Công ty ĐSVN - Khai thác ĐS SG	71.478.000	71.478.000	2.469.200.000	2.469.200.000
- Công ty CP Bê tông 620 Châu Thới	2.469.200.000	2.469.200.000	16.868.516.690	16.868.516.690
- Công ty Cổ phần XD và TM Vạn Phúc			9.334.280.000	9.334.280.000
- Công ty Cổ phần Bê Tông 620 - Châu Thới			6.246.720.207	6.246.720.207
- Công ty TNHH MTV Toàn Khang Thập Mươi			3.775.628.214	3.775.628.214
- Công ty TNHH MTV Quản Lý Đường Sắt Vĩnh Phú			3.108.776.850	3.108.776.850
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Trình Hà Nội			3.627.550.427	3.627.550.427
- Công ty Cổ phần Thép Quang Tiến				



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

- Công ty TNHH MTV VLXD Lê Hoàng Minh	3.032.372.500	3.032.372.500
- Công ty TNHH MTV Quản Lý Đường Sắt Thanh Hóa	2.598.093.000	2.598.093.000
- Công ty Cổ Phần Đường Sắt Phú Khánh	2.505.500.115	2.505.500.115
- Công ty Cổ phần XD Công Trình Giao Thông Bến Tre	307.071.942	307.071.942
- Công ty Cổ phần Cơ Khí Xây Dựng 121 - CIENCO1	485.560.000	485.560.000
- Công ty TNHH MTV - XD Huy Hoàng	484.918.025	484.918.025
- Công ty TNHH Xây Dựng Bình Yên	446.052.885	446.052.885
- Công ty TNHH MTV Thành Nguyên Vĩnh Long	93.059.390	93.059.390
- Công ty Cổ phần XD Minh Khoa	1.086.457.500	1.086.457.500
- Công ty TNHH MTV QLDS Thuận Hải	1.692.314.000	1.692.314.000
- CN Công ty CP ĐT PT Công Nghiệp tại TP.HCM	1.557.976.541	1.557.976.541
- Công ty TNHH TM VLXD An Khang	1.280.231.854	1.280.231.854
- CN Công ty TNHH MTV Xây Dựng Lê Minh - Xường Cơ Khí	1.248.845.886	1.248.845.886
- Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Bình	1.017.653.500	1.017.653.500
- Công ty CP Xây dựng Công trình Hà Nội	277.546.344	277.546.344
- Công ty CP Xây dựng Công trình Trường Lộc	1.013.022.525	1.013.022.525
- Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Vật Tư Thiết Bị Đường Sắt	908.560.432	908.560.432
- Công ty TNHH Xây Lắp Công Trình Hồng Toàn	730.465.750	730.465.750
- Công ty TNHH Một Thành Viên Chung Phát	509.571.360	509.571.360
- Công ty TNHH Xây Dựng Thành Công	2.274.908.823	2.274.908.823
- Công ty TNHH Xây Dựng và TM Đức Toàn	20.053.396	20.053.396
- Công ty TNHH Hữu San	466.595.054	466.595.054
- Công ty TNHH T. Mai và D. Vụ Tổng Hợp Thọ Trường	68.900.000	68.900.000
- Lê Tố Tâm	385.425.000	385.425.000
- DNTN Lệ Tâm	577.909.153	577.909.153
- Công ty TNHH MTV Viên Dung	425.591.700	425.591.700
- Công ty TNHH SX TM và DV Phong Quang	51.496.599	51.496.599
- Công ty TNHH Xây Dựng và TM Hoàng Long	11.000.000	11.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

- Công ty CP Việt Trung Xó	38.153.429	38.153.429
- Công ty TNHH MTV Đình Diễm	47.080.000	47.080.000
- Trung Tâm Kiểm Định Kỹ Thuật An Toàn Khu Vực II	40.950.000	40.950.000
- Công ty TNHH DL TM SX XD Đình Mạnh	8.000.360	8.000.360
- Công ty TNHH MTV Quản Lý Đường Sắt Nghĩa Bình	1.520.901.300	1.520.901.300
- Công ty TNHH MTV Quản Lý Đường Sắt Thanh Hóa	1.052.936.244	1.052.936.244
- Công ty Cổ Phần Công Trình Vạn An	2.544.563.000	2.544.563.000
- Công ty Cổ Phần Công Trình 2	2.428.816.593	2.428.816.593
- Công ty TNHH MTV Thông Tin Tín Hiệu Đường Sắt Đà Nẵng	961.612.000	961.612.000
- Công ty TNHH MTV Quản Lý Đường Sắt Phú Khánh	881.995.000	881.995.000
- Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Xây Dựng Thanh Dương	687.620.000	687.620.000
- Công ty TNHH TV DV Xây Dựng Thủy Lợi Tân Anh Tú	496.556.403	496.556.403
- Công ty Cổ Phần Hợp Doanh	481.689.900	481.689.900
- Công ty TNHH TM và DV Huy Hoàng	444.435.500	444.435.500
- Công ty TNHH TM Vật Liệu Xây Dựng An Khang	426.544.800	426.544.800
- Xí Nghiệp Vật Tư và Dịch Vụ Thanh Hóa	384.371.790	384.371.790
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Đại Thành	337.197.733	337.197.733
- CN Công ty CP XNK VTTB ĐS - Xí nghiệp Cơ Khí Đồng Anh	287.430.000	287.430.000
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thịnh Hưng	267.054.500	267.054.500
- Công ty Cổ Phần Nhân Luật Miền Tây	262.942.900	262.942.900
- DNTN Thương Mại Dịch Vụ Đồng Thắng	206.100.000	206.100.000
- Đặng Như Lộc	194.158.700	194.158.700
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Xuân Vinh	193.013.085	193.013.085
- Công ty Cổ Phần Bé Tồng Nhơn Hội	181.045.500	181.045.500
- Công ty TNHH Phát Triển XD Thương Mại Song Minh	180.712.200	180.712.200
- Công ty CP Tổng Công ty Công Trình Đường Sắt	164.886.000	164.886.000
- Công ty TNHH Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Minh Đức	154.749.000	154.749.000
- Công ty Cổ Phần BETON 6	133.930.000	133.930.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

- Doanh Nghiệp Tư Nhân Sỹ Thủy			124.045.000	124.045.000
- Công ty TNHH Một Thành Viên TM Và DV Tổng Hợp Vương Phát			95.750.000	95.750.000
- Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Phú Lâm			88.055.100	88.055.100
- Công ty Cổ Phần XD TM Ván Tài	51.350.000	51.350.000	51.350.000	51.350.000
- Công ty TNHH Đức Thạnh			41.892.680	41.892.680
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Thương Mại AA			46.400.000	46.400.000
- Công ty TNHH XDCT & TM Hoàng Anh	122.156.000	122.156.000	122.156.000	122.156.000
- Trung Tâm Khoa Học Địa Chất - Công Trình	30.050.910	30.050.910	30.050.910	30.050.910
- Công ty Cổ Phần Beton 6			766.729.725	766.729.725
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng Phú Gia Khang K.T			393.470.000	393.470.000
- Công ty TNHH SX - TM Cao Su Kỹ Thuật Su Son	117.884.000	117.884.000	217.884.000	217.884.000
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông 61	75.791.000	75.791.000	175.791.000	175.791.000
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng Và Thương Mại Bình An	46.828.000	46.828.000	156.828.000	156.828.000
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Lâm Xiệu			105.401.090	105.401.090
- Công ty TNHH Xây Dựng Xử Lý Môi Trường Tân Đại Dương	42.000.000	42.000.000	92.000.000	92.000.000
- Doanh Nghiệp Tư Nhân DV Vận Tải Đường Sông Thuận Thiên			34.000.000	34.000.000
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Tám Tuấn			22.184.900	22.184.900
- Công ty TNHH Ngọc Khang	126.700.000	126.700.000		
- Công ty TNHH XD CT Long An	72.704.600	72.704.600		
- Công ty CP công trình Thành Phát	1.046.449.000	1.046.449.000		
- Công ty cổ phần Vũ Đức	383.889.000	383.889.000		
- Công ty TNHH TM DV ĐT Phương Hòa Hiệp	1.809.327.700	1.809.327.700		
- DNTN Trí trọng Dũng	59.940.000	59.940.000		
- Công ty TNHH XD TQH	81.398.752	81.398.752		
- Công ty TNHH TV DV XD TL Tân Anh Tú	744.729.325	744.729.325		
- Các nhà cung cấp khác	647.305.723	647.305.723		
b. Phải trả người bán dài hạn	3.979.897.592	3.979.897.592	22.730.386.644	4.634.889.183
- Công ty TNHH SX Tân Gia Định	47.002.700	47.002.700	47.002.700	47.002.700

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

- Công ty CP Đầu tư Dịch Vụ Phan Vũ	64.373.400	64.373.400	64.373.400	64.373.400
- Công ty TNHH Bảo Toàn	141.315.350	141.315.350	141.315.350	141.315.350
- Công ty TNHH XD & TM Tuấn Tú	206.600.001	206.600.001	206.600.001	206.600.001
- Công ty TNHH MTV Lâm Dương Quảng trị	84.000.400	84.000.400	84.000.400	84.000.400
- Công ty TNHH MTV QLĐS Phú Khánh	64.108.000	64.108.000	64.108.000	64.108.000
- VLXD Dung	54.909.600	54.909.600	54.909.600	54.909.600
- Công ty TNHH XD TM & DV XNK Hải Sơn	83.901.973	83.901.973	83.901.973	83.901.973
- Công ty QLĐS Phú Khánh	117.876.000	117.876.000	117.876.000	117.876.000
- Công ty CP Đá Mỹ Trang	-	-	47.760.000	47.760.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải hàng hóa ĐS	73.739.800	73.739.800	73.739.800	73.739.800
- DNTN Tân Phú Định	75.178.450	75.178.450	75.178.450	75.178.450
- CN Công ty CP SX TM Hữu nghị - NM Bình Dương	56.699.170	56.699.170	56.699.170	56.699.170
- Công ty TNHH SX TM XNK Đức Thịnh	-	-	1.193.714.016	1.193.714.016
- Công ty TNHH MTV TMDV & SX Hạo Đức	489.319.231	489.319.231	489.319.231	489.319.231
- Công ty CP Đầu tư TM Kim Bảo	324.708.155	324.708.155	324.708.155	324.708.155
- Công ty TNHH XD TM DV Khang Thái	98.062.750	98.062.750	98.062.750	98.062.750
- XN TV XDCT Giao thông 5.1	147.556.000	147.556.000	147.556.000	147.556.000
- Công ty TNHH MTV Đại Tân Thắng	422.217.245	422.217.245	422.217.245	422.217.245
- Công ty TNHH TM DV Thuận Minh	79.500.000	79.500.000	79.500.000	79.500.000
- Công ty CP VLXD Thế giới Nhà	815.168.022	815.168.022	815.168.022	815.168.022
- Công ty CP XD CT hàng không 647	-	-	62.790.820	62.790.820
- Công ty TNHH MTV Vật tư ĐS Đà Nẵng	445.936.345	445.936.345	445.936.345	445.936.345
- Công ty TNHH XD TM DV Linh Tú	87.725.000	87.725.000	87.725.000	87.725.000
Cộng	24.970.614.164	24.970.614.164	24.970.614.164	24.970.614.164
				129.904.789.491



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

* Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Cầu Sa dec	15.699.490.539	52.707.045.674
- SC hư hỏng kết thúc BHCT gói 6B theo QĐ 1579		4.879.543.000
- Gói 1: Nâng cấp MR bên phà Cát Lái		990.079.000
- Gói 9: TCXD CT GT DA MR đường Trần Quốc Toản - Đà Lạt		2.018.864.000
- Công trình công hợp km 1705+840		763.690.340
- Thi công phần thô nhà Papiilon A,B	1.394.039.815	750.000.000
- Chế tạo thanh giằng cho hầm đào hồ - DA ĐS metro		1.216.098.555
- Gói thầu XL CPID- XD 7 cầu ĐS		280.029.845
- Gói số 1 cầu Rạch tre, cà ngổ	2.469.724	1.515.128.950
- T/c phần thô & xây trạm biến áp 1,5,6	152.970.000	2.469.724
- Gói 6: T/c đoạn trên QL 91 An Giang	4.920.396.000	
- DB ATGT: DA MR đường Phan Văn Trị	308.691.000	
- GT 6: S/c, g/c cầu Mộc Hóa, cầu ván 1,2	1.580.000.000	
- MR, NC đường PVT đoạn từ Cầu hang đến TSN	3.966.560.000	
- Ban quản lý dự án nâng cấp đô thị Thành Phố Cao Lãnh		2.938.909.000
- Ban Quản Lý Dự án Xây Dựng Công Trình Giao Thông		129.176.907
- Công ty TNHH quản lý XD Vincom		927.329.019
- CN Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp 26-3		90.357.000
- Liên Danh Lotte - Sanyo		732.223.234
- Liên Doanh Tekken - MES - Thăng Long		9.858.445.700
- Công ty TNHH XD-TM DV Hà Hưng		200.000.000
- BQLDA XD ĐH Quốc Gia TP. HCM		3.815.002.000
- BQL DA Đường Sắt KV 2		21.599.699.400
- Công ty CP PT HT \$ BDS Thái Bình Dương - Long An	3.374.364.000	
Cộng	15.699.490.539	52.707.045.674

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Điều chỉnh khi lập BCHN do thoái vốn	Phải thu	Phải nộp
15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC							
THUẾ							
- Thuế GTGT phải nộp	3.608.567	118.504.297	4.406.375.627	4.165.271.178	(118.504.297)	32.915.074	237.495.882
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		3.673.761.050	2.859.466.700	3.011.434.001	(2.180.890.122)	852.848.196	1.373.818.701
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất			450.589.200	450.589.200			
- Thuế TNCN	332.024.943	33.782.592	595.698.193	1.363.083.482	224.966.824		12.187.380
- Thuế môn bài			15.500.000	15.500.000			
- Thuế khác		43.415.219	9.011.674	9.011.674	(43.415.219)		
- Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác			138.298.088				138.298.088
Cộng	335.633.510	3.869.463.158	8.474.939.482	9.014.889.535	(2.117.842.814)	885.763.270	1.761.800.051



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Lương phải trả công nhân viên

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
7.173.299.400	11.896.527.554
7.173.299.400	11.896.527.554

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

a. Chi phí phải trả ngắn hạn

- Trích trước chi phí công trình

b. Chi phí phải trả dài hạn

- Trích trước chi phí công trình

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
15.002.936.238	40.056.078.553
15.002.936.238	40.056.078.553
15.118.450.071	7.334.325.077
15.118.450.071	7.334.325.077
30.121.386.309	47.390.403.630

18. PHẢI TRẢ KHÁC

a. Phải trả ngắn hạn khác

- Kinh phí Công đoàn

- Bảo hiểm Xã hội

- Bảo hiểm Y tế

- Bảo hiểm Thất nghiệp

- Thuế thu nhập cá nhân

- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

b. Phải trả nội bộ ngắn hạn

- Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam

c. Phải trả dài hạn khác

- Các khoản phải trả, phải nộp khác

- Tiền nhận đặt cọc cho thuê mặt bằng

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
18.226.409.946	40.688.312.890
348.800	304.507.090
6.854.202	553.016.997
2.380.270	64.084.013
	36.962.981
	352.216.980
18.216.826.674	39.377.524.829
8.991.456.357	9.108.446.357
8.991.456.357	9.108.446.357
398.132.898	1.425.182.548
352.529.000	1.379.578.650
45.603.898	45.603.898
27.615.999.201	51.221.941.795

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

- Dự phòng phải trả khác

Cộng

Số cuối năm	Số đầu năm
3.500.000.000	2.000.000.000
3.500.000.000	2.000.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

20. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ	Số cuối năm	Số đầu năm
* Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
- Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		2.733.938.267
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		601.466.419
- Phát sinh từ lãi chưa thực hiện trong giao dịch bán TSCĐ		601.466.419
- Phát sinh từ lãi chưa thực hiện trong HTK chưa bán		
Cộng		601.466.419
* Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		50.640.486
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		10.128.097
- Phát sinh từ lỗ chưa thực hiện trong giao dịch bán TSCĐ		10.128.097
Cộng		10.128.097
21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI, BAN ĐIỀU HÀNH		
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	999.415.457	1.016.518.705
- Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	54.983.236	126.526.656
Cộng	1.054.398.693	1.143.045.361



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a/ Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

A	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							
	1	2	3	4	5	6	7	8
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng Cộng	
Số dư đầu năm trước	61.169.920.000	1.694.645.000	30.022.952.224	(930.000)	1.622.912.459	10.757.925.059	16.612.537.396	121.879.962.138
- Tăng vốn trong năm trước	18.830.080.000	3.766.016.000					574.620.000	23.170.716.000
- Lãi trong năm trước			235.950.000				2.359.215.617	15.335.487.938
- Tăng khác							207.701.977	1.894.951.977
- Giảm vốn trong năm trước								
- Lỗ trong năm trước		64.500.000			5.000		2.448.311.000	14.150.961.427
- Giảm khác								
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	5.396.161.000	30.258.902.224	(930.000)	1.622.907.459	13.547.351.953	17.305.763.990	148.130.156.626
- Tăng vốn trong năm nay								
- Lãi trong năm nay							49.256.553	10.480.592.270
- Tăng khác								
- Giảm vốn trong năm nay								
- Lỗ trong năm nay								
- Giảm do hợp nhất			2.139.386.310				15.221.978.315	20.068.481.884
- Giảm khác (*)							9.721.907.000	9.721.907.000
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	5.396.161.000	28.119.515.914	(930.000)	1.622.907.459	11.549.663.411	2.133.042.228	128.820.360.012

Ghi chú: (*) Chi tiết các khoản giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm theo Nghị Quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2016 gồm:

* Công ty CP ĐĐT & XD Công trình 3

- Trích quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành

- Cổ tức năm 2015 phải trả cho các cổ đông

Cộng

1.435.000.000

287.000.000

7.999.907.000

9.721.907.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

b/ Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	25%	19.739.180.000	19.739.180.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	75%	60.260.820.000	60.260.820.000
Cộng	100%	80.000.000.000	80.000.000.000

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	61.169.920.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	18.830.080.000
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000

- Cổ tức lợi nhuận đã chia

d/ Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80.000.000	80.000.000
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	80.000.000	80.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	80.000.000	80.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	93	93
+ Cổ phiếu phổ thông	93	93
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	79.999.907	79.999.907
+ Cổ phiếu phổ thông	79.999.907	79.999.907
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP

e/ Các quỹ của doanh nghiệp	28.119.515.914	30.258.902.224
- Quỹ Đầu tư phát triển	28.119.515.914	30.258.902.224

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Cuối năm	Đầu năm
* Nợ khó đòi, đã xử lý	235.562.989	211.070.803
Cộng	235.562.989	211.070.803

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	11.294.532.971	5.738.013.975
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	417.882.851.365	554.846.522.883
Cộng	429.177.384.336	560.584.536.858

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán & cung cấp dịch vụ	9.654.738.608	3.503.606.810
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	376.661.582.391	505.185.226.136
Cộng	386.316.320.999	508.688.832.946



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

Cộng

Năm nay

Năm trước

4.120.104.856 652.012.990

4.120.104.856 652.012.990

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay

Cộng

Năm nay

Năm trước

11.676.694.502 16.254.843.414

11.676.694.502 16.254.843.414

5. THU NHẬP KHÁC

- Thu nhập từ cho thuê mặt bằng

- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ

- Thu nhập từ cho thuê máy móc, vật tư

- Tiền thưởng hoàn thành tiến độ

- Hoàn nhập Thuế GTGT bị loại trừ

- Thu nhập khác

Cộng

Năm nay

Năm trước

208.962.546 48.000.000

36.363.637 136.363.636

180.000.000

387.247.087

1.082.108.100 867.378

1.327.434.283 752.478.101

6. CHI PHÍ KHÁC

- Chi phí cho thuê mặt bằng

- Chi phí nộp phạt về thuế & truy thu thuế

- Chi phí khác

Cộng

Năm nay

Năm trước

10.242.182

282.772.085 451.124.638

3.732.845.655 79.192.321

4.025.859.922 530.316.959

7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

* Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

- Chi phí nhân viên quản lý

- Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý

- Thuế và lệ phí

- Chi phí dự phòng

- Chi phí thù lao HĐQT

- Các khoản chi phí QLDN khác

Cộng

Năm nay

Năm trước

8.582.980.790 6.407.621.952

1.119.041.924 1.669.253.482

1.937.324.704 1.485.732.242

3.500.000.000 2.000.000.000

494.960.000 695.760.000

3.139.749.809 4.243.588.175

18.774.057.227 16.501.955.851

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu

- Chi phí nhân công

- Chi phí máy

Trong đó: Chi phí khấu hao tài sản cố định

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

- Chi phí khác bằng tiền

Cộng

Năm nay

Năm trước

229.146.071.131 282.912.911.368

95.725.028.450 131.740.273.711

29.898.327.241 55.382.407.887

10.441.238.481 15.977.123.016

935.077.029 1.302.511.086

49.385.874.375 53.852.684.745

405.090.378.226 525.190.788.797



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành

Cộng

Năm nay	Năm trước
2.859.466.700	4.063.968.871
2.859.466.700	4.063.968.871

10. CHI PHÍ THUẾ TNDN HOẢN LẠI

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Cộng

Năm nay	Năm trước
-	613.621.970
-	613.621.970

11. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

* Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Công ty CPĐT & XD Công trình 3

- Công ty CP XD Công trình Trường Lộc

- Công ty CP Công trình Thành Phát

Cộng

Năm nay	Năm trước
494.960.000	390.000.000
	150.000.000
	148.500.000
494.960.000	688.500.000

Trong đó: Chi phí cho thành viên HĐQT & BKS không tham gia SXKD

64.460.000 69.000.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG

1- Giao dịch giữa các bên liên quan:

Trong năm 2016, Công ty phát sinh một số nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP XD Công trình Trường Lộc	Công ty con (Đến thời điểm thoái vốn 30/09/2016)	Nhận nợ công ty con	
		Mua hàng hóa và dịch vụ từ công ty con	
		Giá trị CT công ty con đã thực hiện	113.012.655.999
		Ghi nợ công ty con	
		Nhượng bán vật tư và dịch vụ TN	25.451.744.872
Công ty CP Công trình Thành Phát	Công ty con (Đến thời điểm thoái vốn 31/03/2016)	Mua hàng hóa và dịch vụ từ cty con	
		Giá trị công trình công ty con đã thực hiện	7.487.364.926
		Ghi nợ công ty con	
		Nhượng bán vật tư và dịch vụ TN	84.649.333
		Giá trị công trình CT 3 thực hiện	-
Công ty CP XD Công trình Nam Tiến	Công ty con	Hoạt động khác	59.019.600
		Lãi vay	228.258.000
		Giá trị công trình công ty con đã thực hiện	15.306.488.000
		Hoạt động khác (cho thuê MB)	39.600.000
		Dịch vụ thí nghiệm	-
Lãi vay	315.589.000		



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Tại ngày kết thúc năm tài chính 2016, công nợ phải thu, phải trả với các bên có liên quan như sau:

	Số tiền (VND)
Công ty CP Xây dựng Công trình Nam Tiến	
Phải thu khác (tiền cho thuê tài sản & thí nghiệm)	10.558.960
Phải thu khác (tiền vay thi công công trình)	2.000.000.000
Phải thu khác (khối lượng công trình)	3.094.090.335
Phải thu khác (nợ lãi vay, thuê mặt bằng)	355.189.000
Cộng	5.459.838.295

	Số tiền (VND)
Công ty TNHH MTV cơ khí và xây dựng	
Phải trả khác (tạm ứng theo HĐ)	800.000.000
Cộng	800.000.000

2. Báo cáo bộ phận

- Về lĩnh vực kinh doanh:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

- Về khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất của Công ty nằm trong phạm vi cả nước;

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận.

Nhằm phục vụ cho mục đích quản lý, công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc nên việc báo cáo bộ phận được phân chia theo ngành hàng kinh doanh như sau:

Xây dựng và sản xuất và dịch vụ khác.

Chỉ tiêu	Xây dựng	Sản xuất, dịch vụ khác	Tổng Cộng
A- Kết quả			
1- Doanh thu	417.882.851.365	11.294.532.971	429.177.384.336
2- Chi phí	376.661.582.391	9.654.738.608	386.316.320.999
- Chi phí phân bổ trực tiếp (gồm cả giá vốn)	376.661.582.391	9.654.738.608	386.316.320.999
- Chi phí bán hàng			
3- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.221.268.974	1.639.794.363	42.861.063.337
B- Tổng giá trị của tài sản bộ phận	343.897.137.103	636.582.100	344.533.719.203
C- Nợ phải trả của bộ phận	215.713.359.191		215.713.359.191
D- Tổng chi phí phát sinh trong niên độ để mua TSCĐ			
E- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả	12.457.041.251	173.474.099	4.929.064.088
- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ	4.755.589.989	173.474.099	4.929.064.088
- Tổng chi phí phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.701.451.262		



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP. Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

3. Công cụ tài chính*** Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của Nhà nước và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông thiểu số tại các Công ty.

*** Các chính sách kế toán chủ yếu**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và Thuyết minh các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính. Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

*** Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính****Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ		Dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.337.819.988	72.627.368.036			20.337.819.988	72.627.368.036
Phải thu khách hàng và phải thu khác	199.426.534.614	301.504.165.965	(814.382.899)	(1.671.743.162)	198.612.151.715	299.832.422.803
Đầu tư ngắn hạn	650.000.000	2.800.000.000			650.000.000	2.800.000.000
Đầu tư dài hạn						
Tổng cộng	220.414.354.602	376.931.534.001	(814.382.899)	(1.671.743.162)	219.599.971.703	375.259.790.839

Nợ phải trả tài chính

Các khoản vay và nợ	103.816.370.834	242.037.708.005			103.816.370.834	242.037.708.005
Phải trả người bán và phải trả khác	43.595.157.008	172.018.284.929			43.595.157.008	172.018.284.929
Phải trả người lao động	7.173.299.400	11.896.527.554			7.173.299.400	11.896.527.554
Chi phí phải trả	30.121.386.309	47.390.403.630			30.121.386.309	47.390.403.630
Tổng cộng	184.706.213.551	473.342.924.118			184.706.213.551	473.342.924.118

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.

Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc 31/12/2015 do Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 31/12/2016.

* Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng:

Các khoản phải thu khách hàng đều là khoản phải thu khối lượng các công trình đã được chủ đầu tư nghiệm thu xác nhận và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này các khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng:

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

* Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty hiện tại không có do Công ty có nguồn tiền có thể đáp ứng được cho các khoản thanh toán.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tại 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.337.819.988		20.337.819.988
Phải thu khách hàng và phải thu khác	194.096.655.295	5.329.879.319	199.426.534.614
Đầu tư ngắn hạn	650.000.000		650.000.000
Đầu tư dài hạn		-	-
Tài sản tài chính khác			-
Tổng cộng	215.084.475.283	5.329.879.319	220.414.354.602
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.627.368.036		72.627.368.036
Phải thu khách hàng và phải thu khác	296.134.286.646	5.369.879.319	301.504.165.965
Đầu tư ngắn hạn	2.800.000.000	-	2.800.000.000
Đầu tư dài hạn		-	-
Tài sản tài chính khác			-
Tổng cộng	371.561.654.682	5.369.879.319	376.931.534.001

*** Quản lý rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và các rủi ro về giá khác. Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần.

Rủi ro ngoại tệ:

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái.

Công ty không phát sinh giao dịch ngoại tệ nên Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính công ty.

Rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu là liên quan đến các khoản vay. Công ty phát sinh khoản vay nên rủi ro lãi suất là không cao.

Rủi ro về giá khác:

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỉ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính công ty.

4- Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2016 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đoàn Văn Nghị

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Kim Chinh

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Chủ tịch HĐQT
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Văn Thúy